TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:95/2017/DS-ST
Ngày:28-12-2017.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng

2. Bà Võ Thị Ngọc Nga

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:*** Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:150/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:88/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trịnh Văn M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Huỳnh Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông M, bà T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có ý kiến như sau:

* Nguyên đơn ông Trịnh Văn M trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2017(âm lịch) đến tháng 4 năm 2017(âm lịch), ông có cho bà Huỳnh Thị T mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 08/02/2017 (âm lịch), cho mượn 5.000.000đồng để bà T đặt cọc tiền mua vật tư làm hàng rào.

Ngày 12/02/2017 (âm lịch), cho mượn 12.000.000đồng để bà T trả tiền vật tư xây hàng rào và 1.000.000đồng để bà T làm phí đi làm.

Ngày 18/02/2017 (âm lịch), cho mượn 8.000.000đồng để bà T tạm ứng tiền công thợ làm hàng rào.

Ngày 27/02/2017 (âm lịch), cho mượn 9.000.000đồng để bà T làm mái nhà tiền chế.

Ngày 29/02/2017 (âm lịch), cho mượn 35.000.000đồng để bà T cầm thẻ ATM của những người làm chung công ty của bà T kiếm lời.

Ngày 08/3/2017 (âm lịch), cho mượn 7.000.000đồng để bà T cầm thẻ ATM của một người làm chung công ty của bà T.

Ngày 18/3/2017 (âm lịch), cho mượn 5.000.000đồng để bà T cầm thẻ ATM của một người làm chung công ty của bà T.

Ngày 03/4/2017 (âm lịch), bà T tự lấy trong túi áo của ông số tiền 1.300.000đồng để cất giữ dùm ông.

Ngày 07/4/2017 (âm lịch), cho mượn 2.400.000đồng để bà T mua bàng về đan giỏ.

Tổng cộng số tiền bà T đã mượn của ông là 85.700.000đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2017 (âm lịch) đến tháng 3 năm 2017 (âm lịch) bà T còn cất giữ của ông số vàng gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k.

Ông đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền mượn và số vàng nhưng bà T không trả. Nay ông yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả cho ông số tiền mượn 85.700.000đồng và số vàng cất giữ gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k, tổng giá trị tiền mượn và giá trị vàng cất giữ hơn 100.000.000đồng nhưng ông chỉ yêu cầu bà T trả ông 100.000.000đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2017 (dương lịch) đến tháng 3 năm 2017 (dương lịch), bà có nhận của ông Trịnh Văn M số tiền tổng cộng 20.000.000đồng, cụ thể: ngày 25/02/2017 (dương lịch) nhận 5.000.000đồng; ngày 10/3/2017 (dương lịch) nhận 10.000.000đồng; ngày 15/3/2017 (dương lịch) nhận 5.000.000đồng; số tiền này do ông M tự nguyện cho bà chứ bà không có mượn tiền hay cất giữ vàng của ông M nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông M yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả số tiền mượn 84.400.000đồng và số vàng cất giữ gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k, tổng giá trị tiền mượn và giá trị vàng cất giữ hơn 100.000.000đồng nhưng ông chỉ yêu cầu bà T trả ông 100.000.000đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà T thừa nhận có nhận của ông M số tiền 20.000.000đồng nhưng số tiền này do ông M tự nguyện cho bà chứ bà không có mượn tiền hay cất giữ vàng của ông M nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Văn M về việc yêu cầu bà T trả tiền mượn 84.400.000đồng và số vàng gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k, tổng giá trị tiền mượn và giá trị vàng cất giữ 100.000.000đồng vì yêu cầu khởi kiện của ông không có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Văn M yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả cho ông số tiền mượn 84.400.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; ngoài ra, ông M yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả cho ông số vàng gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị T có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn M yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả số tiền mượn 84.400.000đồng và số vàng cất giữ gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k, tổng giá trị tiền và vàng là 100.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận mượn tiền và cất giữ vàng giữa ông M và bà T không có xác lập hợp đồng bằng văn bản và không được bà T thừa nhận. Ông M cung cấp một đoạn ghi âm từ điện thoại di động của ông ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông với bà T vào ngày 28/6/2017 (dương lịch) tại nhà của bà Huỳnh Thị T để chứng minh bà T có nợ tiền mượn của ông chưa trả, đoạn ghi âm này được bà T thừa nhận đúng là cuộc nói chuyện giữa bà với ông M nhưng toàn bộ nội dung đoạn ghi âm được hai bên thừa nhận không có nội dung nào thể hiện giữa ông M và bà T có thỏa thuận việc mượn tiền, cũng không có nội dung nào thể hiện bà T nợ tiền mượn của ông M chưa trả. Ông M cho rằng trong

nội dung đoạn ghi âm có đoạn bà T nói "Tôi nói không cần biết sao tôi trả đủ 50 triệu chiếc xe anh thôi,…" và có đoạn bà T nói "không cần biết, không cần biết, bao nhiêu đó" là chứng cứ chứng minh bà T nợ tiền mượn của ông, tuy nhiên, từng từ ngữ trong câu nói của bà T không có nội dung nào thể hiện bà T nợ tiền mượn của ông M nên ý kiến này của ông M là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, ông M còn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là lời khai của những người làm chứng gồm lời khai của ông Lý Việt H, ông Trần Văn L và bà Hà Thị Y để chứng minh bà T nợ tiền mượn của ông, tuy nhiên lời khai của ông L, bà Y chỉ thể hiện họ nghe cuộc nói chuyện giữa ông M với một người phụ nữ qua điện thoại mà họ cho rằng đó là bà T và xác định có biết việc bà T nợ tiền ông M là không khách quan, không có căn cứ; lời khai của ông Lý Việt H có thể hiện nội dung bà T sẽ trả tiền lại cho ông M nhưng không thể hiện được đó là tiền gì, bao nhiêu nên không đủ cơ sở chứng minh bà T có mượn ông M số tiền 84.400.000đồng. Bà T thừa nhận có nhận của ông M số tiền 20.000.000đồng nhưng bà cho rằng số tiền này ông M tự nguyện cho bà. Ông M không chứng minh được việc bà T mượn ông số tiền 84.400.000đồng và cũng không có chứng cứ chứng minh việc bà T cất giữ vàng của ông nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn M là không có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông M xác định chỉ tranh chấp về việc mượn tiền và việc cất giữ vàng nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của ông M, đối với việc mua xe trả góp được hai bên thừa nhận có nói đến trong nội dung đoạn ghi âm, nếu các bên có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn M phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Văn M, bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn M việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả số tiền mượn 84.400.000đồng và số vàng gồm 01 sợi dây chuyền 18k trị giá 7.730.000đồng và 7,5 chỉ vàng 24k, tổng giá trị tiền và vàng là 100.000.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Văn M phải chịu 5.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng ông Trịnh Văn M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18837 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Ông Trịnh Văn M phải nộp tiếp số tiền 2.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Trịnh Văn M, bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương